



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3991 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty TNHH Gỗ Hạnh Phúc, Công ty TNHH Oken Seiko Việt Nam, Công ty cổ phần Nhất Nam, Công ty Công ty TNHH Olam VN (Chi nhánh Long Bình), Công ty TNHH CAM PLAS MOULD Việt Nam theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 18308/TTr-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 936/TTr-LĐTBXH ngày 06 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty TNHH Gỗ Hạnh Phúc, Công ty TNHH Oken Seiko Việt Nam, Công

ty cổ phần Nhất Nam, Công ty TNHH Olam VN (Chi nhánh Long Bình), Công ty TNHH CAM PLAS MOULD Việt Nam do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa, như sau:

1. Công ty TNHH Gõ Hạnh Phúc, gồm 179 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 179.000.000 đồng, trong đó có 01 người lao động mang thai và 20 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (23 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 24.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 203.000.000 đồng (hai trăm linh ba triệu đồng chẵn).

2. Công ty TNHH Oken Seiko Việt Nam, gồm 44 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 44.000.000 đồng, trong đó có 04 lao động đang mang thai và 29 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (32 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 36.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng chẵn).

3. Công ty Cổ phần Nhất Nam, gồm 92 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 92.000.000 đồng, trong đó có 08 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (09 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 9.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 101.000.000 đồng (một trăm linh một triệu đồng chẵn).

4. Công ty TNHH Olam VN (Chi nhánh Long Bình) gồm 147 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 147.000.000 đồng, trong đó có 01 lao động đang mang thai và 48 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (63 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 64.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 211.000.000 đồng (hai trăm mười một triệu đồng chẵn).

5. Công ty TNHH CAM PLAS MOULD Việt Nam, gồm 125 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 125.000.000 đồng, trong đó có 06 lao động đang mang thai và 50 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (63 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 69.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 194.000.000 đồng (một trăm chín mươi bốn triệu đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ



tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH GỖ HÀNH PHÚC

(Kèm theo Quyết định số 3891 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 07 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghe lương		Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên	Số CMND/thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm			
I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc									
1	Nguyễn Thị Huyền Trang	Phòng QLCL	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	7510079394	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381674606
2	Hoàng Thị Hoa	Phòng QLCL	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	7409241210	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		173237197
3	Trần Sơn Hà	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	0299050288	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		270771160
4	Trần Thị Anh Đào	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	9222943166	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		092197000627
5	Bùi Thị Linh	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7516091776	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		113498446
6	Nguyễn Trần Phi Anh	Xưởng Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	7523040176	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		264240718
7	Lê Thị Thanh Thảo	Xưởng Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	7523947478	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		261638370
8	Nguyễn Văn Tùng	Xưởng Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	9222117969	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		361397917
9	Trương Ngọc Châu	Xưởng Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	9122013332	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		371289071
10	Nguyễn Văn Dưa	Xưởng Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	9124062323	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		371314360
11	Nguyễn Minh Dương	Xưởng Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	9621744084	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381682829
12	Trương Văn Huỳnh	Xưởng Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9622874511	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381854969
13	Trương Vũ Linh	Xưởng Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9621366428	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381461033

14	Tiết Như Băng	Xưởng Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9622308780	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381987503
15	Võ Văn Bân	Xưởng Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9122895190	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		370775075
16	Lâm Thị Thùy Linh	Xưởng Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9621775808	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381990362
17	Nguyễn Văn Hằng	Xưởng Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9623057630	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381095814
18	Nguyễn Thị Tuyết	Xưởng Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	9222020090	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		361241213
19	Hà Đông Đông	Xưởng Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	8925740307	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		352590205
20	Võ Thị Nhon	Xưởng Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9122888488	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		371580749
21	Phạm Thị Giới	Xưởng Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	7415072078	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381607537
22	Phùng Thị Thoại	Xưởng Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	1520963005	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		060985993
23	Nguyễn Hoàng Kha	Xưởng Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9622673566	14/07/2021	31/08/2021	1.000.000		382055402
24	Đặng Trọng Phú	Phòng Tổ Chức	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	7514156458	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		186662485
25	Đỗ Thị Duyên	Phòng Kế Toán	Hợp đồng không xác định thời hạn	4707170859	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		276037604
26	Lê Duy Kỳ	Phòng Kế Hoạch	Hợp đồng không xác định thời hạn	4703022300	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		271736821
27	Phan Quốc Khánh	Phòng QLCL	Hợp đồng không xác định thời hạn	7508160373	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		271864834
28	Phạm Minh Dương	Phòng QLCL	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	7515104401	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381790834
29	Nguyễn Thị Như Huỳnh	Phòng QLCL	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	8925754831	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		352518467
30	Dương Thị Hiền	Phòng QLCL	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	6623948942	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		241522178
31	Nguyễn Thị Loan	Phòng QLCL	Vô thời hạn	8925203188	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		351136257
32	Trương Tấn Đạt	Phòng QLCL	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9122631450	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		371976702
33	Nguyễn Xuân Hải	Phòng Bảo Vệ	Hợp đồng không xác định thời hạn	4707076081	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		272438927

34	Bùi Cao Chanh	Phòng Bảo Vệ	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	1720731320	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		113017103
35	Vũ Thị Nhân	Phòng Tập Vụ	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	4018450703	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		187087357
36	Võ Đại Nguyên	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7512172227	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		245055721
37	Nguyễn Minh Tuấn	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7516147690	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		341325056
38	Thị Đặng	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	9123154803	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		370728024
39	Danh Hoài	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	9123193585	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		370802152
40	Nguyễn Hồng Nhi	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7514027364	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381393468
41	Nguyễn Văn Trường	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7514027356	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381393467
42	Phan Thanh Liêm	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7415020067	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		350519719
43	Trương Vũ Bình	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	9622874512	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381075950
44	Thạch Thị Nhung	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	9421577250	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		365532043
45	Trần Văn Phương	Xưởng Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9616000592	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381863597
46	Nguyễn Thành Tiên	Xưởng Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9622870099	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381955669
47	Nguyễn Văn Luân	Xưởng Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9123180322	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		371926991
48	Tổng Minh Trọng	Xưởng Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9621712604	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		382013363
49	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	Xưởng Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	7021380551	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		285050084
50	Nhan Thị Nhỏ	Xưởng Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9423179874	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		365603491
51	Lê Văn Trường	Xưởng Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9423179873	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		365603477
52	Hà Mộng Thu	Xưởng Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9122196931	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		371953064
53	Nguyễn Văn Kiệt	Xưởng Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9122196930	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		371646715

54	Thị Tuyền	Xưởng Mộc Ráp	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9520989589	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	385671395
55	Thạch Thanh Ny	Xưởng Mộc Ráp	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	8421751277	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	334930508
56	Vy Thị Minh	Xưởng Mộc Ráp	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	7514069199	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	182212612
57	Ngô Thị Trinh	Xưởng Mộc Ráp	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9222021862	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	092182004735
58	Vũ Thị Thu Thủy	Xưởng Mộc Ráp	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	7021981686	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	285468029
59	Nguyễn Văn Mừng	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7509031149	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	171488362
60	Trần Dũng	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7912106924	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	272329735
61	Bùi Viết Tùng	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7511161252	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	037093001166
62	Võ Minh Mẫn	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	9123294675	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	370856675
63	Lê Thị Dung	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7516193962	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	385728366
64	Đoàn Việt	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7523635650	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	272717010
65	Nguyễn Văn Hòa	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	6623431413	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	241886205
66	Nguyễn Thị Là	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7516147694	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	361645878
67	Nguyễn Thanh Tuấn	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7516174454	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	385578444
68	Nguyễn Thị Bích Liên	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	5120021372	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	212880473
69	Nguyễn Thị Nê	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	8709019563	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	340158315
70	Tiết Thành Hơ	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7515013140	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	381762119
71	Trần Văn Vũ	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	9522151124	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	385286055
72	Rơ Mah H'Loan	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	6422228793	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	230547452
73	Trần Thị Liên	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	4217122158	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000	276076969



74	Trần Thị Thảo	Xương Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	4018557910	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		187306629
75	Võ Khánh Lâm	Xương Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	9520981559	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385485963
76	Phạm Thị Mai	Xương Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	6720557558	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		245180295
77	Lê Thị Kim Định	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9521154717	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385909391
78	Nguyễn Thị Diễm	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	7512178165	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		361843210
79	Võ Văn Lợi	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	4026160973	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		182272463
80	Nguyễn Thị Lệ Hằng	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	5420720056	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		221206061
81	Bùi Thị Hiền	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	7516144584	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		113231084
82	Nguyễn Thị Phương	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	7516040124	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		370848030
83	Trương Thị Lan	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	4216976680	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		184040437
84	Quách Minh Dương	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9621903725	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381105284
85	Lê Như Huyền	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9622992175	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381345602
86	Hứa Thị Đào	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	6622433725	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		241039629
87	Phạm Thị Hoàn	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9521080541	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385617712
88	Nguyễn Thị Thom	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	4216976457	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		183400803
89	Dương Văn Hào	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9521681875	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385709264
90	Nguyễn Thanh Kỳ	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	7516014765	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		271923240
91	Lê Đức Tiến	Xương Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	5220477209	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		215395454
92	Võ Thị Yến	Xương Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7516144589	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		301632978
93	Hồ Thiện Minh	Xương Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7516147695	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		362303497

94	Đặng Thị Hóa	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7512050429	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		271869614
95	Lê Văn Dũng Em	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7513178550	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		370605872
96	Trần Hồng Nghi	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	9621815966	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381419739
97	Tổng Minh Sang	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	9621826338	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381419825
98	Lâm Thị Tân Duyên	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	9421500254	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		366229177
99	Lâm Thị Hồng Dung	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	9416008713	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		365685764
100	Nguyễn Hoài Nam	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	8722498329	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		341952011
101	Trần Văn Thật	Xưởng Mộc Ráp	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	7516078262	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		362131066
102	Bùi Thị Phương	Xưởng Mộc Ráp	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	8322046725	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		321256646
103	Nông Văn Hoàng	Xưởng Mộc Ráp	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	7523325673	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		241933468
104	Danh Minh	Xưởng Mộc Ráp	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9123883456	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		371871312
105	Hà Mộng Thu Hồng	Xưởng Mộc Ráp	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	7514152745	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		362331226
106	Phạm Tư Tường	Xưởng Mộc Ráp	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9321754057	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		364170415
107	Trần Thị Lan	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	4707076156	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		261047044
108	Nguyễn Thị Vân	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	4707076159	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		261623204
109	Đoàn Thị Kim Long	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7509059671	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		272195420
110	Phan Thị Trắng	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7511161254	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		370531535
111	Trần Lương Thiện	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7511161257	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		350807643
112	Nguyễn Thị Cảnh	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7510196600	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		173831647
113	Lê Thị Âm	Xưởng Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7516144593	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		340873021



114	Trần Kim Loan	Xương Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	9222943169	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		362348810
115	Nguyễn Thị Kim Ý	Xương Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	7515019333	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		371203603
116	Trần Thị Trinh	Xương Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	9223152242	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		092195002485
117	Cầm Thị Dung	Xương Mộc Ráp	Hợp đồng không xác định thời hạn	6422245465	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		231335352
118	Nguyễn Thị Ngân	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	4216752659	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		183603131
119	Phạm Ngọc Đạt	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9621239766	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381489988
120	Phạm Thị Sánh	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9622634524	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381489984
121	Thạch Hồng Ngọc	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	7516099600	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		365054913
122	Dương Thị Ngọc Nhi	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9521673310	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385846746
123	Danh Thị Bích Liên	Xương Mộc Ráp	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9622934811	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381994241
124	Phúc Văn Hời	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	0220697650	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		073088555
125	Hoàng Văn Chinh	Xương Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	1520980881	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		060814450
126	Trần Hữu Thiện	Xương Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	7509083060	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385419295
127	Trần Văn Lững	Xương Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	9521065610	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385159780
128	Võ Ngọc Nghĩa	Xương Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	6623261950	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		241574794
129	Lê Thị Hằng Ný	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9521976756	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385845324
130	Trần Văn Kiến	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9520995334	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385160184
131	Huỳnh Mộng Thanh	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9122773986	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		371943091
132	Hoàng Mỹ Diệp	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	3821896819	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		038083008989
133	Trần Văn Trách	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	7513002326	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385583180

134	Thị Mỹ Xuyên	Xường Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9122722589	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		371608887
135	Nguyễn Văn Nguyên	Xường Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9622527996	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381508767
136	Trần Thị Ngọc Như	Xường Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9521565259	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385817075
137	Bồ Xuân Quân	Xường Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	0108090913	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		011245699
138	Thái Văn Út	Xường Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9621785170	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381012543
139	Lâm Văn Quận	Xường Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	7523473507	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385621496
140	Nguyễn Minh Ngung	Xường Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9522093214	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385735697
141	Trần Văn Vẹn	Xường Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9521099208	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385477557
142	Nguyễn Kim Trắng	Xường Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	7512038739	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		382055948
143	Hoàng Thị Hằng	Xường Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	7514152753	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		073438312
144	Cao Thị Hoa	Xường Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	7509059608	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		272202570
145	Thị Bé	Xường Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	7516174460	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		363625583
146	Võ Thị Nhanh	Xường Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	7516193966	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385739466
147	Phạm Mộng Kha	Xường Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	7516193967	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381469974
148	Đinh Thị Hương	Xường Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	7516027804	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		050783657
149	Đào Thị Kiều	Xường Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	9321615642	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		363998264
150	Trần Thị No	Xường Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	9521069031	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385169536
151	Bùi Thị Phương	Xường Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	9621801462	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381569180
152	Lê Thị Mẫn	Xường Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9422450777	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		366111264
153	Võ Thị Nghiệp	Xường Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	7512066841	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381148111



154	Phan Thị Vẹn	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9621867576	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385693139
155	Nguyễn Văn Thái	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	3720256384	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		164660429
156	Hồ Rìng	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	5420539998	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		221538689
157	Huỳnh Sáu Em	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9520977485	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385726186
158	Nguyễn Thị Xuân Thủy	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	7721287802	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		273500079
159	Đỗ Thị Bìa	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9621847340	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381394473
160	Trần Ngọc Diệp	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9622936813	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381109435
161	Phan Thị Phương	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	7523702185	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385539368
162	Thị Thu Hà	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9521037757	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385565989
163	Tài Nữ Hồng Tuyển	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	6813000230	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		264220483
164	Thạch Thị Thủy Loan	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	8421452501	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		334957412
165	Phạm Thị Tánh	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	7514059462	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		371524392
166	Kim Thị Trần	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9421548366	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		366345826
167	Lang Thị Thanh	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	6720876066	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		245006779
168	Nguyễn Thị Ngân	Xương Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	9623001182	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381904257
169	Nguyễn Thị Hoài	Xương Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	4216887395	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		184341277
170	Thái Văn Tăng	Xương Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	9623102638	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381656768
171	Nguyễn Thị Xuyên	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9521555125	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385800390
172	Huỳnh Thị Tiên	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9623019721	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		380929959
173	Lê Cẩm Ly	Xương Sơn	HDLĐ xác định thời hạn 01 năm	9622963607	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381970613

174	Đỗ Thị Đan	Xường Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9622563097	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381302531
175	Nguyễn Trí Vĩ	Xường Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	9621882114	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		381694549
176	Trần Văn Chon	Xường Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	7509125749	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		385197311
177	Phan Việt Lâm	Xường Sơn	Hợp đồng không xác định thời hạn	0221055814	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		073553056
178	Son Chane Sa Rith	Xường Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	8421816733	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		335025506
179	Danh Quanh	Xường Sơn	HĐLĐ xác định thời hạn 01 năm	9122517817	23/07/2021	31/08/2021	1.000.000		372016725

II. Danh sách người lao động ngừng việc và đang mang thai

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Số tiền hỗ trợ				Ký và ghi rõ họ tên		Số CMT/thẻ căn cước công dân
1	Trần Thị Trinh	116	1.000.000						092195002485

III. Hỗ trợ người lao động ngừng việc đang nuôi con để hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng (ở cột 2)	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Hoàng Thị Hải Yến	116	Nguyễn Hoàng Quế Trâm	21/02/2017	Nguyễn Xuân Kiệt	271379376	1.000.000		271696059
2	Trần Thị Hương	97	Phạm Đức Bảo	14/10/2015	Phạm Quang Thạch	276039375	1.000.000		272717409
3	Lê Thị Thu	109	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	26/10/2015	Nguyễn Hữu Phú	272172263	1.000.000		24857225
4	Trần Thị Duyên	111	Nguyễn Hải Đăng	02/11/2015	Nguyễn Văn Sinh	272870227	1.000.000		276002240
5	Lê Thị Hà	121	Nguyễn Trung Hải Quân	06/03/2018	Nguyễn Trung Hiếu	26074850	1.000.000		272943067
6	Nguyễn Hoàng Ái	91	Nguyễn Minh Khang	29/04/2020	Nguyễn Thị Dung	272845584	1.000.000		272148814



7	Nguyễn Đức Phương	165	Nguyễn Đức Minh Khôi	16/06/2021	Trần Thị Kiều My	221423044	1.000.000		271939174
8	Ngô Thị Hồng Hạnh	133	Đào Đức Duy Đào Đức Minh	08/04/2017 21/05/2019	Đào Duy Đông	191753199	1.000.000 1.000.000		205411707
9	Trần Văn Chắt	50	Trần Hoài An	08/03/2020	Ngô Thị Tuyết	186862038	1.000.000		381509498
10	Nguyễn Thị Mỹ Trang	170	Phạm Nguyễn Đông Trà	19/09/2021	Phạm Quang Cảnh	272334924	1.000.000		272229653
11	Lê Thị Hương	124	Cần Lê Thu Thảo	11/07/2018	Cần Văn Tiến	260986285	1.000.000		261422624
12	Phạm Thị Hồng Hoa	164	Nguyễn Đô Hiếu	11/12/2020	Nguyễn Đức Thuần	241059017	1.000.000		271898522
13	Lương Minh Hà	1	Lương Thị Kim Ngân	26/10/2018	Đông Thị Lả	24889153	1.000.000		276100715
14	Nguyễn Khắc Đường	29	Nguyễn Khắc Tiến Đạt	06/03/2016	Phạm Thị Thủy	173373738	1.000.000		172372152
15	Nguyễn Văn Hưng	69	Nguyễn Gia Bảo	22/04/2016	Ngô Thị Hoa	272673259	1.000.000		272435877
16	Huỳnh Văn Chuyển	78	Huỳnh Phúc Lâm	27/08/2017	Hoàng Thị Nam	372073026	1.000.000		371138141
17	Quách Hồng Hiền	81	Quách Ngọc Xuân Trà	11/11/2016	Nguyễn Thị Hằng	261101112	1.000.000		365834659
18	Hoàng Văn Chuẩn	87	Hoàng Đức Trí Hoàng Bảo Vy	28/07/2017 07/05/2020	Nguyễn Thị Huyền	42186001658	1.000.000 1.000.000		162206853
19	Đặng Thanh Tùng	92	Đặng Bảo Vĩ	27/02/2018	Phạm Thị Vân	241225969	1.000.000		271834526
		92	Đặng Bảo Hân	10/07/2020	Phạm Thị Vân	241225969	1.000.000		271834526
20	Nguyễn Thị Hoa	118	Lê Đăng Khoa	07/09/2017	Lê Văn Hùng	38087018778	1.000.000		38190007850
TỔNG CỘNG (I + II + III)							203.000.000		

Tổng số tiền hỗ trợ là: 203.000.000 đồng
(Hai trăm linh ba triệu đồng)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID -19 CỦA CÔNG TY TNHH OKEN SEIKO VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số **8991** /QĐ-UBND ngày **06** tháng **10** năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên	Số CMND/thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm			
I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc									
1	Lê Thị Vinh	Văn Phòng	Không xác định thời hạn	7509100161	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000		261040724
2	Trần Thị Minh Hòa	Văn Phòng	Không xác định thời hạn	7912348187	09/07/2021	20/09/2021	1.000.000		215131342
3	Phan Thị Xuân Hương	Văn Phòng	Không xác định thời hạn	7515053365	24/07/2021	20/09/2021	1.000.000		321344341
4	Đỗ Trúc Chi	Xưởng sản xuất	2 năm	7516100526	11/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272357254
5	Tsản Thị Mỹ Dung	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	7508100937	11/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272097071
6	Nguyễn Thị Bích Lượng	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	0205207473	15/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272718225
7	Phạm Thị Thorm	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	4706058622	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272889221
8	Nguyễn Thị Chung	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	7909253305	11/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272969491
9	Trương Thị Mai	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	7509088886	11/07/2021	20/09/2021	1.000.000		186862832
10	Lô Thị Sen	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	7511069304	15/07/2021	20/09/2021	1.000.000		187245261
11	Trần Thị Mai Lan	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	7508100895	11/07/2021	20/09/2021	1.000.000		75187003407
12	Dương Thị Phượng	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	7509100265	11/07/2021	20/09/2021	1.000.000		276036475
13	Huỳnh Ngọc Hạnh	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	4704047803	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271556652
14	Trần Thị Hương	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	4707099574	24/07/2021	20/09/2021	1.000.000		240814649

15	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	7515022078	11/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272748413
16	Phạm Thị Mùi	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	4707138084	24/07/2021	20/09/2021	1.000.000		250747939
17	Trần Thị Sương	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	7508194765	11/07/2021	20/09/2021	1.000.000		276036461
18	Trần Thị Thanh Tuyền	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	7516028348	16/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272794346
19	Nguyễn Thị Lam	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	7512069280	11/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272896120
20	Trương Thị Bích	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	7514013911	24/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272233804
21	Nguyễn Phạm Ngọc Hà	Xưởng sản xuất	Xác định thời hạn 2 năm	7526355541	11/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272248724
22	Uông Thị Linh	Xưởng sản xuất	Xác định thời hạn 2 năm	7516219519	24/07/2021	20/09/2021	1.000.000		184355912
23	Nguyễn Thị Thu	Xưởng sản xuất	Xác định thời hạn 2 năm	7516047295	24/07/2021	20/09/2021	1.000.000		183728100
24	Nguyễn Thị Lan Hương	Xưởng sản xuất	Xác định thời hạn 2 năm	6623861179	15/07/2021	20/09/2021	1.000.000		241244751
25	Nguyễn Thị Kim Thoa	Xưởng sản xuất	Xác định thời hạn 2 năm	4707012147	11/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272998025
26	Mai Thị Kim Chi	Xưởng sản xuất	Xác định thời hạn 1 năm	7515055634	24/07/2021	20/09/2021	1.000.000		245277783
27	Vũ Thị Liêm	Xưởng sản xuất	Xác định thời hạn 1 năm	4023809367	24/07/2021	20/09/2021	1.000.000		187624053
28	Trần Thị Hồng Mai	Xưởng sản xuất	Xác định thời hạn 1 năm	7516210335	24/07/2021	20/09/2021	1.000.000		352495164
29	Đặng Thúy Quyên	Xưởng sản xuất	Xác định thời hạn 1 năm	5420313782	24/07/2021	20/09/2021	1.000.000		221461797
30	Trần Thị Thu	Xưởng sản xuất	Xác định thời hạn 2 năm	7513072157	24/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272402519
31	Nguyễn Thị Trang	Văn phòng	Không xác định thời hạn	7913127523	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		163268120
32	Bùi Quỳnh Như	Xưởng sản xuất	1 năm	7523972691	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272270948
33	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	7509100165	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271812996
34	Nguyễn Thị Ngọc Liên	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	4707077527	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272015062
35	Trần Thị Thanh Thủy	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	4707177467	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271950890



36	Hứa Thị Liên	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	4707160120	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271869229
37	Nguyễn Thị Thúy	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	4707150827	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271749340
38	Nguyễn Thị Phương Nam	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	7508077705	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		75189001983
39	Đặng Thị Trang	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	7512067690	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		245157571
40	Đinh Thị Linh	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	7514020918	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272295686
41	Nguyễn Thị Thủy	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	7515012854	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272726432
42	Nguyễn Thị Trang	Xưởng sản xuất	Không xác định thời hạn	7513074738	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		191860620
43	Mai Hoàng Thùy Linh	Xưởng sản xuất	Xác định thời hạn 1 năm	7511109333	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271875954
44	Vũ Hồng Nhi	Xưởng sản xuất	Xác định thời hạn 1 năm	7513018876	01/09/2021	20/09/2021	1.000.000		272446692

II. Danh sách người lao động ngừng việc và đang mang thai

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Số tiền hỗ trợ				Ký và ghi rõ họ tên	Số CMT/thẻ căn cước công dân
1	Trương Thị Mai	9				1.000.000		186862832
2	Huỳnh Ngọc Hạnh	13				1.000.000		271556652
3	Trương Thị Bích	20				1.000.000		272233804
4	Nguyễn Thị Trang	31				1.000.000		163268120

III. Danh sách người lao động ngừng việc và đang nuôi con để hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng					Số tiền hỗ trợ	Ký và ghi rõ họ tên	Số CMT/thẻ căn cước công dân
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng				
1	2	3	4	5	7		8	9	10	
1	Lê Thị Vinh	1	Phan Lê Quốc Cường	23/09/2015	Phan Anh Hoàng		271520249	1.000.000	261040725	
			Phan Lê Hà Anh	14/12/2018			1.000.000			
2	Trần Thị Minh Hòa	2	Nguyễn Trần Thiên An	30/01/2017	Nguyễn Tấn Tâm		331352080	1.000.000	261040724	

3	Phan Thị Xuân Hương	3	Nguyễn Phan Khôi Vỹ	26/06/2018	Nguyễn Văn Chung	191601324	1.000.000		321344341
4	Đỗ Trúc Chi	4	Nguyễn Doãn Minh Triết	16/11/2020	Nguyễn Doãn Anh Tú	272330991	1.000.000		272357254
5	Nguyễn Thị Bích Lường	6	Phạm Nguyễn An Nhiên	17/02/2016	Phạm Minh Tuấn	271437208	1.000.000		272718225
6	Phạm Thị Thơm	7	Nguyễn Phạm Thanh Hiền	27/10/2015	Nguyễn Văn Công	271744676	1.000.000		272889221
7	Nguyễn Thị Chung	8	Lê Hữu Thịnh	25/01/2018	Lê Hữu Tuấn	272979984	1.000.000		272969491
8	Lô Thị Sen	10	Nguyễn Thanh Lộc	17/10/2016	Nguyễn Thanh Hùng	271689767	1.000.000		187245261
9	Trần Thị Mai Lan	11	Lê Trần Ngọc Duy	15/02/2018	Lê Văn Trương	272782547	1.000.000		75187003407
10	Dương Thị Phương	12	Lê Thị Thanh Thảo Lê Thị Thanh Hằng	24/12/2015 27/04/2017	Lê Văn Cường	186193396	1.000.000 1.000.000		276036476
11	Trần Thị Hương	14	Phạm Trần Minh Quân	16/03/2016	Phạm Văn Trọng	245190053	1.000.000		240814649
12	Phạm Thị Mùi	16	Sơn Kiều Loan	26/10/2017	Sơn Linh	272499103	1.000.000		250747939
13	Trần Thị Sương	17	Hoàng Trần Đăng Khôi	19/01/2018	Hoàng Văn Hồng	240990705	1.000.000		276036461
14	Trương Thị Bích	20	Phùng Hồng Kha	11/03/2017	Phùng Hồng Tính	272381055	1.000.000		272233804
15	Nguyễn Phạm Ngọc Hà	21	Nguyễn Hoàng Minh Khôi	01/02/2018	Nguyễn Tiến Đạt	272133312	1.000.000		272248724
16	Nguyễn Thị Thu	23	Thái Thùy Linh	07/04/2017	Thái Bá Phong	186752590	1.000.000		183728100
17	Nguyễn Thị Kim Thoa	25	Nguyễn Ngọc Tú Anh	24/03/2017	Nguyễn Thái Hòa	182318252	1.000.000		272998025
18	Nguyễn Thị Lan Hương	24	Phan Văn Bảo Khang	29/11/2016	Phan Bá Hoàng	66084005861	1.000.000		241244751
19	Mai Thị Kim Chi	26	Nguyễn Mai Minh Phúc	03/05/2019	Nguyễn Quốc Huy	264438532	1.000.000		245277783



20	Trần Thị Hồng Mai	28	Trần Trung Hiếu	08/01/2019	Trần Văn Dầy	352269490	1.000.000		352495164
21	Trần Thị Thanh Thủy	35	Nguyễn Trần Tiến Lộc	26/01/2016	Nguyễn Ngọc Tuyền	271606047	1.000.000		271950890
22	Hứa Thị Liên	36	Đàm Ngọc Thảo Nguyễn	03/07/2019	Đàm Văn Tá	272020808	1.000.000		271869229
23	Nguyễn Thị Phương Nam	38	Nguyễn Ngọc Gia Hân	30/11/2019	Nguyễn Minh Châu	271942755	1.000.000		75189001983
24	Đặng Thị Trang	39	Nguyễn Ngọc Hà Mỹ	07/10/2019	Nguyễn Tân Ngọc	272225394	1.000.000		245157571
25	Đinh Thị Linh	40	Lê Ngọc Anh Thư	12/09/2019	Lê Ngọc Hùng	272087447	1.000.000		272295686
26	Nguyễn Thị Thủy	41	Nguyễn Ngọc Như Ý	17/02/2019	Nguyễn Hữu Sơn	271432462	1.000.000		272726432
27	Trần Thị Thu	30	Đặng Khánh Nam	22/06/2017	Đặng Xuân Thắng	272161488	1.000.000		272402519
28	Vũ Hồng Nhi	44	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	13/03/2021	Nguyễn Hồng Hiếu	272326280	1.000.000		272446692
29	Nguyễn Thị Lam	19	Lê Tùng Lâm Lê Đăng khôi	28/11/2016 02/08/2021	Lê Thanh Long	183716017	1.000.000 1.000.000		272896121
Tổng cộng (I + II + III)						80.000.000			

Tổng số tiền hỗ trợ là: 80.000.000 đồng
(Tám mươi triệu đồng)



Nguyễn Sơn Hùng

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHẤT NAM
(Kèm theo Quyết định số **3891** /QĐ-UBND ngày **06** tháng **10** năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Thời gian tạm hoãn		Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên	Số CMND/hệ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm			
I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc									
1	Phan Thị Thanh Trúc	Phó Tổng Giám Đốc	Không xác định thời hạn	0298122539	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000		79175008824
2	Đào Thị Nhan	Nhân viên tạp vụ	Không xác định thời hạn	4707037348	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000		276107218
3	Võ Thị Phương	Nhân viên phục vụ (Nấu Ăn)	Không xác định thời hạn	7514013411	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000		25509990
4	Trần Thị Ánh Hồng	Phó phòng Kinh Doanh	Không xác định thời hạn	4798117411	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000		271062897
5	Mai Thanh Thủy	Nhân viên phòng Kinh Doanh	Không xác định thời hạn	4798117410	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000		272419482
6	Võ Thị Xuân Thanh	Kế Toán Trưởng	Không xác định thời hạn	4702014840	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000		271262841
7	Phạm Thị Minh Thủy	Phó phòng Kế Toán TC	Không xác định thời hạn	4799151642	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000		272287611
8	Phan Mạnh Cường	Vận hành máy cầu	Không xác định thời hạn	7510151467	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000		271777744
9	Nguyễn Hiệp Đồng	Vận hành máy cầu	Không xác định thời hạn	7515010583	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000		272577285
10	Tô Vinh Quang	Công nhân vận hành máy cầu	Không xác định thời hạn	4705074330	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000		331598173
11	Phạm Văn Nghĩa	Vận hành máy cầu	Xác định thời hạn 12 tháng	7912061529	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000		301391803
12	Đoàn Thị Minh Diễm Phương	Nhân viên thống kê, cân hàng hóa	Xác định thời hạn 12 tháng	4707037358	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000		272740814
13	Mai Văn Trường	Quản đốc kiểm hàn điện, hàn hơi	Không xác định thời hạn	4707185424	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000		272678079
14	Lê Thành Tâm	Tổ trưởng sản xuất kèm mộc máy	Không xác định thời hạn	7508223259	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000		341227094
15	Nguyễn Phú Nam	Tổ trưởng Lò Hơi - Vận hành lò hơi	Không xác định thời hạn	4705066410	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000		182175664
16	Lưu Văn Thành	Công nhân chế biến gỗ	Không xác định thời hạn	7509039537	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000		194024707
17	Huỳnh Văn Vũ	Công nhân sửa chữa cơ khí	Không xác định thời hạn	4707037346	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000		272119925

18	Nguyễn Thế Anh	Công nhân kỹ thuật cơ điện	Không xác định thời hạn	7523170008	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	272918444
19	Mai Thị Thoi	Công nhân chế biến gỗ	Xác định thời hạn 12 tháng	7508176357	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	272797206
20	Trần Tuấn Lợi	Công nhân chế biến gỗ	Xác định thời hạn 12 tháng	8925483294	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	352142558
21	Nguyễn Việt Đức	Quản đốc	Không xác định thời hạn	0203107885	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	21782502
22	Đỗ Thị Nga	Nhân viên PX. Chế Biến Gỗ	Không xác định thời hạn	7909254710	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	240927428
23	Lê Thị Chính	Công nhân chế biến gỗ	Không xác định thời hạn	4706055536	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	270032738
24	Ngô Xuân Trung	Công nhân kiểm hàng	Không xác định thời hạn	9106146707	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	182189121
25	Nguyễn Kiều Oanh	Công nhân chế biến gỗ	Không xác định thời hạn	7511125977	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	365237520
26	Trịnh Đức Anh	Nhân viên văn phòng xưởng	Xác định thời hạn 12 tháng	7523405724	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	272112140
27	Lê Khắc Toàn	Tổ trưởng sản xuất kiểm mộc máy	Không xác định thời hạn	7513080165	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	183048405
28	Nguyễn Thị Hương	Công nhân chế biến gỗ	Không xác định thời hạn	4702014845	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	270034071
29	Kiều Văn Hùng	Công nhân chế biến gỗ	Không xác định thời hạn	7514051577	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	261628301
30	Lê Thị Sơn	Công nhân Chế Biến Gỗ	Không xác định thời hạn	4707041822	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	172071815
31	Nguyễn Tự Cường	Tổ phó sản xuất kiểm mộc máy	Không xác định thời hạn	4705066403	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	321055760
32	Nguyễn Thị Huệ	Công nhân Chế Biến Gỗ	Không xác định thời hạn	7512068486	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	162821790
33	Bùi Thị Chút Chiêu	Công nhân chế biến gỗ	Không xác định thời hạn	7514051583	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	261360503
34	Nguyễn Văn Hoàng	Công nhân Chế Biến Gỗ	Không xác định thời hạn	7516078050	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	385128682
35	Trần Ngọc Hoàng	Tổ trưởng sản xuất kiểm mộc máy	Không xác định thời hạn	7508083392	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	273036450
36	Nguyễn Đức Tuấn	Công nhân chế biến gỗ	Không xác định thời hạn	7511125982	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	22860184
37	Đào Thị Mỹ Xuyên	Công nhân Chế Biến Gỗ	Không xác định thời hạn	7515058134	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	362159336
38	Đào Vinh	Công nhân lắp ráp các sản phẩm gỗ	Xác định thời hạn 12 tháng	9222447074	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	92201001188
39	Nguyễn Đắc Sáng	Tổ phó sản xuất kiểm mộc máy	Không xác định thời hạn	7509091925	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	151065775
40	Lê Thị Kim Sơn	Công nhân chế biến gỗ	Không xác định thời hạn	4703044059	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	270671742
41	Nguyễn Thị Tú Phương	Công nhân chế biến gỗ	Không xác định thời hạn	4705066399	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	271760512
42	Nguyễn Thị Then	Công nhân chế biến gỗ	Không xác định thời hạn	4706055544	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	270780955



43	Ngô Hồng Xương	Công nhân chế biến gỗ	Không xác định thời hạn	7511125976	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	365018392
44	Kiều Thị Mộng Hiền	Công nhân chế biến gỗ	Không xác định thời hạn	7513063024	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	331179520
45	Đào Thị Bích Thoại	Công nhân chế biến gỗ	Không xác định thời hạn	7513063029	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	9118300006
46	Trần Thị Em	Công nhân chế biến gỗ	Không xác định thời hạn	7514051581	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	365564145
47	Võ Thị Thu Sương	Công nhân chế biến gỗ	Không xác định thời hạn	5121331644	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	212834485
48	Nguyễn Thị Lệ Hồng	Công nhân chế biến gỗ	Xác định thời hạn 12 tháng	6623640184	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	241368023
49	Trần Kim Phương	Công nhân chà nhám các sản phẩm gỗ	Xác định thời hạn 12 tháng	7526572685	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	381397794
50	Ca Hùng Cường	Công nhân Chế Biến Gỗ	Không xác định thời hạn	7516078052	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	385273987
51	Phan Thanh Quang	Công nhân chế biến gỗ	Không xác định thời hạn	7512015751	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	271040997
52	Nguyễn Mi Rin	Công nhân Chế Biến Gỗ	Xác định thời hạn 12 tháng	9622412885	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	381632965
53	Trịnh Tấn Lợi	Công nhân Chế Biến Gỗ	Xác định thời hạn 12 tháng	7516053607	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	366169448
54	Phạm Thanh Vũ	Công nhân chế biến gỗ	Không xác định thời hạn	7516085362	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	385707337
55	Lê Văn Hào	Công nhân chế biến gỗ	Xác định thời hạn 12 tháng	7513057911	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	385370557
56	Lê Thị Mỹ Nhiên	Công nhân chế biến gỗ	Không xác định thời hạn	7514051585	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	365232916
57	Lê Thị Mỹ Hạnh	Công nhân Chế Biến Gỗ	Không xác định thời hạn	7516078053	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	365293921
58	Phan Thị Phương	Công nhân chế biến gỗ	Xác định thời hạn 12 tháng	9522077593	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	385445287
59	Thị Dèo	Công nhân chế biến gỗ	Xác định thời hạn 12 tháng	9123986604	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	370883322
60	Nguyễn Thành Trung	Công nhân kiểm hàng	Không xác định thời hạn	4702014850	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	270771334
61	Phan Thị Chính	Công nhân Chế Biến Gỗ	Không xác định thời hạn	4707096374	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	225229214
62	Trịnh Duy Dũng	Tổ trưởng sản xuất kiêm mộc máy	Không xác định thời hạn	7909428275	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	272677334
63	Nguyễn Trung Tiến	Tổ trưởng Tổ Bảo Dưỡng	Không xác định thời hạn	7513039816	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	272031429
64	Nguyễn Văn Lô	Kỹ thuật Chế biến gỗ	Xác định thời hạn 12 tháng	4704071246	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	272338501
65	Nguyễn Văn Sơn	Kỹ thuật Chế biến gỗ	Xác định thời hạn 12 tháng	4707172731	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	272780533
66	Phạm Văn Phú	Kỹ thuật Chế biến gỗ	Xác định thời hạn 12 tháng	7509118240	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	351522541
67	Thạch Diên Hương	Kỹ thuật Chế biến gỗ	Xác định thời hạn 12 tháng	7513033364	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	366009150

68	Bùi Thị Yến	Công nhân chà nhám	Xác định thời hạn 12 tháng	4703014935	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	271143494
69	Trần Thị Ái	Công nhân chà nhám	Xác định thời hạn 12 tháng	4707038072	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	270666438
70	Nguyễn Thị Lành	Công nhân chà nhám	Xác định thời hạn 12 tháng	4707145895	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	370976448
71	Trương Hoàng Thân	Công nhân chà nhám	Xác định thời hạn 12 tháng	7022325776	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	285368644
72	Nguyễn Thị Thúy	Công nhân chà nhám	Xác định thời hạn 12 tháng	7508103876	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	351556741
73	Trần Ngọc Hân	Công nhân chà nhám	Xác định thời hạn 12 tháng	9422698312	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	366242148
74	Lê Thị Chúc Mơ	Công nhân chà nhám	Xác định thời hạn 12 tháng	9423135395	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	366124553
75	Nguyễn Kim Y	Công nhân chà nhám	Xác định thời hạn 12 tháng	9622992605	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	381644028
76	Nguyễn Thị Yến Hằng	Công nhân chà nhám	Xác định thời hạn 12 tháng	7021271286	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	285831669
77	Huỳnh Thị Tỷ	Công nhân chà nhám	Xác định thời hạn 12 tháng	7913084025	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	365556971
78	Phan Thị Mộng Gấm	Công nhân chà nhám	Xác định thời hạn 12 tháng	8222125476	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	312599012
79	Lý Thị Hoàng	Công nhân chà nhám	Xác định thời hạn 12 tháng	8322365077	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	321756515
80	Võ Quốc Khánh	Công nhân chà nhám	Xác định thời hạn 12 tháng	9124168452	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	372043514
81	Đào Thị Thanh Thúy	Công nhân chà nhám	Xác định thời hạn 12 tháng	9221877587	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	92183000556
82	Nguyễn Thị Phi Yến	Công nhân chà nhám	Xác định thời hạn 12 tháng	9522155353	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	385793551
83	Đào Quyền Sơn	Công nhân chà nhám	Xác định thời hạn 12 tháng	9221523939	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	92301006501
84	Nguyễn Thị Diệu Thuần	Công nhân chà nhám	Xác định thời hạn 12 tháng	7512010229	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	363788503
85	Đặng Thị Thanh Ngân	Công nhân chà nhám	Xác định thời hạn 12 tháng	8924552950	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	352495777
86	Nguyễn Thị Bích Thủy	Công nhân đóng gói	Xác định thời hạn 12 tháng	4703014918	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	281159096
87	Bùi Thị Hải	Công nhân đóng gói	Xác định thời hạn 12 tháng	4703014933	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	272661053
88	Nguyễn Thị Như Trang	Công nhân đóng gói	Xác định thời hạn 12 tháng	4704006953	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	271594284
89	Huỳnh Thị Nhí	Công nhân đóng gói	Xác định thời hạn 12 tháng	7512010230	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	365946076
90	Nguyễn Văn Thiên	Công nhân đóng gói	Xác định thời hạn 12 tháng	7514075478	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	271606240
91	Trần Thị Bé Châm	Công nhân đóng gói	Xác định thời hạn 12 tháng	8723902324	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	341894158
92	Phùng Thị Diệu Lìl	Công nhân đóng gói	Xác định thời hạn 12 tháng	7508103890	14/08/2021	20/09/2021	1.000.000	371394746



II. Danh sách người lao động ngừng việc và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em

II. Danh sách người lao động ngừng việc và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em										
TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng					Số tiền hỗ trợ	Ký và ghi rõ họ tên	Số CMT/thẻ căn cước công dân
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng (ở cột 2)	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	Đỗ Thị Nga	22	Lê Đỗ Đăng Khoa	23/08/2020	Lê Huy Ngôi	171672491	1.000.000		362230969	
2	Nguyễn Thị Lê Hồng	48	Đào Minh Quân	06/10/2015	Đào Minh Dương	362279367	1.000.000		381610704	
3	Nguyễn Thị Lành	70	Phạm Chấn Hưng	31/07/2019	Phạm Văn Phú	351522541	1.000.000		186507013	
4	Nguyễn Kim Y	75	Trương Đăng Khiết	28/07/2017	Trương Hoàng Em	351911020	1.000.000		272138403	
5	Nguyễn Thị Diệu Thuần	84	Võ Trâm Anh	20/11/2020	Võ Minh Thuận	385104796	1.000.000		334340009	
6	Đặng Thị Thanh Ngân	85	Bùi Đăng Ngọc Như	24/04/2019	Bùi Văn Khánh	365564975	1.000.000		381615097	
7	Trần Thị Bé Châm	91	Phan Quỳnh Anh	21/05/2020	Phan Văn Bưởi	365763137	1.000.000		341962185	
8	Phùng Thị Diệu Lili						1.000.000		371394746	
		376	Nguyễn Văn An	04/01/2017	Huỳnh Ngọc Kiêm Nhân	272508905	1.000.000			
		373	Trần Doãn Hải Phong	03/10/2015			101.000.000			
TỔNG CỘNG (I+II)										

Tổng số tiền hỗ trợ là: 101.000.000 đồng
(Một trăm linh một triệu đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA
CÔNG TY OLAM VIỆT NAM (CHI NHÁNH LONG BÌNH)**

(Kèm theo Quyết định số **3991** /QĐ-UBND ngày **06** tháng **10** năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên	Số CMND/thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm			
I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc									
1	Phan Ngọc Hiền	Kế hoạch	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	4705003816	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271606887
2	Nguyễn Thái Hiệp	An toàn	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	4706020472	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		038076014152
3	Nguyễn Thành Công	Xưởng Quế	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7508250908	12/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271778824
4	Mai Hoàng Điều	Xưởng Quế	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7514005824	14/08/2021	15/09/2021	1.000.000		341789818
5	Nguyễn Văn Thế	Xưởng Quế	2.HDLD không xác định thời hạn (CA)	7523042779	21/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272927815
6	Trần Thiện Tâm	Xưởng Quế	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7514005821	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		351125192
7	Nguyễn Minh Duy	Xưởng Quế	2.HDLD không xác định thời hạn (CA)	7508235412	11/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271870305
8	Lê Văn Đủ	Xưởng Quế	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	9321269831	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		363517917
9	Đinh Văn Xít	Xưởng Quế	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	5120768092	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		212424681
10	Nguyễn Văn Huỳnh	Xưởng Quế	2.HDLD không xác định thời hạn (CA)	7514054826	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		264382447
11	Phạm Xuân Dung	Xưởng Quế	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7508243276	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272687283
12	Trần Thanh Vũ	Xưởng Quế	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7514005819	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		350960813
13	Bùi Văn Hải	Xưởng Quế	2.HDLD không xác định thời hạn (CA)	4703012008	17/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271578872
14	Nguyễn Văn Toàn	Xưởng Quế	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	0207346090	14/08/2021	15/09/2021	1.000.000		142126845

15	Hoàng Công Minh	Xương Gừng	2.HDLD không xác định thời hạn (CA)	7409100382	12/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271795995
16	Đỗ Văn Phúc	Xương Gừng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7511041752	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		285485623
17	Nguyễn Trọng Công	Xương Gừng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7514010965	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		172486949
18	Trần Văn Lai	Xương Gừng	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	6623375297	16/08/2021	15/09/2021	1.000.000		240921507
19	Hoàng Đình Bảo	Xương Gừng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	4706102121	16/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271393081
20	Nguyễn Hữu Cảnh	Xương Gừng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7512031252	11/08/2021	15/09/2021	1.000.000		351598765
21	Nguyễn Diễm	Xương Gừng	2.HDLD không xác định thời hạn (CA)	7515046390	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		184237577
22	Nguyễn Minh Nguyệt	Xương Gừng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7514005820	20/08/2021	15/09/2021	1.000.000		351197906
23	Lê Văn Thu	Xương Gừng	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7508106624	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271435074
24	Bùi Văn Hận	Xương Gừng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7509083962	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		276086544
25	Trần Minh Tuấn	Xương Gừng	2.HDLD không xác định thời hạn (CA)	7523480354	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272486353
26	Nguyễn Duy Điền	Xương Gừng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7513047307	15/08/2021	15/09/2021	1.000.000		034092009350
27	Tăng Mẫn Chân	Xương Gừng	2.HDLD không xác định thời hạn (CA)	6020510671	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		261264760
28	Lê Thanh Hoài	Xương Gừng	2.HDLD không xác định thời hạn (CA)	7516057365	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		352201213
29	Nguyễn Văn Tiến	Xương Gừng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7511051237	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		092077003242
30	Đào Văn Hải	Bảo Trì	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7510055262	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271497152
31	Đình Quang Vinh	Bảo Trì	2.HDLD có thời hạn 1 năm (CA)	7523785329	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271358213
32	Nguyễn Duy Hòa	Bảo Trì	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7526328151	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272562857
33	Phạm Thanh Mười	Bảo Trì	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7523552790	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271844407
34	Phùng Linh Khang	Bảo Trì	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	6821787446	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272550935
35	Phạm Tuệ Ân	Xương Tiều	2.HDLD không xác định thời hạn (CA)	7516063960	13/08/2021	15/09/2021	1.000.000		025173433

36	Đinh Văn Hoát	Xưởng Tiêu	2.HDLĐ có thời hạn 1 năm (CA)	5116009430	11/08/2021	15/09/2021	1.000.000		212398036
37	Nguyễn Thế Anh	Xưởng Tiêu	2.HDLĐ Xác định thời hạn (CA)	7511012036	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271514465
38	Trần Văn Phòng	Xưởng Tiêu	2.HDLĐ không xác định thời hạn (HC)	7909435402	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272076869
39	Nguyễn Văn Đức	Xưởng Tiêu	2.HDLĐ không xác định thời hạn (HC)	7513073914	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		250886553
40	Ngô Duy Khánh	Xưởng Tiêu	2.HDLĐ không xác định thời hạn (HC)	7513020422	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		162441127
41	Lê Văn Phong	Xưởng Tiêu	2.HDLĐ không xác định thời hạn (CA)	7512043844	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		173568833
42	Phạm Duy Tâm	Xưởng Tiêu	2.HDLĐ không xác định thời hạn (CA)	5620671419	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		225606208
43	Ngô Văn Sang	Xưởng Tiêu	2.HDLĐ không xác định thời hạn (CA)	7914186376	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		351830076
44	Phan Đình Thức	Xưởng Tiêu	2.HDLĐ không xác định thời hạn (HC)	7515006368	11/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272170295
45	Hoàng Quốc Việt	Xưởng Tiêu	2.HDLĐ không xác định thời hạn (CA)	7508216447	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		183655934
46	Nguyễn Tấn Học	Xưởng Tiêu	2.HDLĐ không xác định thời hạn (HC)	7513073904	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272794109
47	Hoàng Lê Huy	Làm sạch tiêu	2.HDLĐ không xác định thời hạn (HC)	7510202967	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		240884024
48	Vũ Ngọc Đức	Làm sạch tiêu	2.HDLĐ không xác định thời hạn (HC)	4707039135	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		270805517
49	Phạm Xuân Sơn	Làm sạch tiêu	2.HDLĐ không xác định thời hạn (CA)	7411158684	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		221137155
50	Võ Hoàng Liêm	Làm sạch tiêu	2.HDLĐ không xác định thời hạn (CA)	7516054279	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272449713
51	Đặng Văn Cường	Làm sạch tiêu	2.HDLĐ không xác định thời hạn (CA)	7413207847	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271817792
52	Huỳnh Sà Nan	Làm sạch tiêu	2.HDLĐ không xác định thời hạn (CA)	7516080541	18/08/2021	15/09/2021	1.000.000		366093376
53	Danh Ran	Làm sạch tiêu	2.HDLĐ không xác định thời hạn (CA)	9123985202	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		371604767
54	Nông Văn Vui	Làm sạch tiêu	2.HDLĐ không xác định thời hạn (HC)	7509026275	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		090536301
55	Đinh Hữu Anh	Làm sạch tiêu	2.HDLĐ không xác định thời hạn (HC)	7510044367	11/08/2021	15/09/2021	1.000.000		186825390
56	Mã Công	Làm sạch tiêu	2.HDLĐ không xác định thời hạn (HC)	7512075589	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		276036239

57	Nguyễn Văn Danh	Làm sạch tiêu	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7513068179	13/08/2021	15/09/2021	1.000.000		152017953
58	Trần Khánh Ly	Làm sạch tiêu	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	4703046681	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272642937
59	Cao Minh Huy	Làm sạch tiêu	2.HDLD không xác định thời hạn (CA)	7415057042	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		075094001146
60	Đặng Mạnh Cường	Chất lượng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7510055278	14/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272050539
61	Vũ Thị Hạnh	Chất lượng	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	3420509166	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		034199002298
62	Nguyễn Thị Hằng Nga	Chất lượng	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	6622898324	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		241592386
63	Nguyễn Thị Việt	Chất lượng	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	3823633931	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		038199006894
64	Hoàng Phương Ân	Chất lượng	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	3421618827	18/08/2021	15/09/2021	1.000.000		034196005443
65	Huỳnh Thị Kim	Chất lượng	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	4921677806	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		206349424
66	Nguyễn Thị Huyền Anh	Chất lượng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7513068174	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		261156214
67	Nguyễn Thị Hương Lài	Chất lượng	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	5220839124	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		215399960
68	Nguyễn Thị Thùy Trang	Chất lượng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7513020423	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		365675997
69	Lê Vy	Chất lượng và cải tiến	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7508222412	15/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272123380
70	Nguyễn Nguyên Bằng	Thí nghiệm	2.HDLD có thời hạn 1 năm (CA)	7415084759	25/08/2021	10/09/2021	1.000.000		272067730
71	Đạo Tấn Sáng	Xưởng Tiêu	2.HDLD không xác định thời hạn (CA)	7516048860	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		264285662
72	Nguyễn Thị Thu Hồng	Tạp vụ	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	4707158961	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		270945880
73	Nguyễn Văn Lương	Tiệt trùng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	4707118870	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		186727622
74	Huỳnh Hữu Tài	Tiệt trùng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7513007927	16/08/2021	15/09/2021	1.000.000		273324071
75	Đặng Đình Thắng	Tiệt trùng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7908267085	09/08/2021	31/08/2021	1.000.000		272446659
76	Nguyễn Văn Hùng	Tiệt trùng	2.HDLD không xác định thời hạn (CA)	7515038987	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272375831
77	Mai Văn Quyết	Tiệt trùng	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	3824382969	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		038201018113

78	Đông Chí Hân	Tiết trùng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	4703041181	17/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272704653
79	Trần Văn Đô	Tiết trùng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7514041951	11/08/2021	15/09/2021	1.000.000		370876363
80	Đặng Văn Tĩnh	Tiết trùng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7510201401	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272169110
81	Võ Trọng Cảnh	Tiết trùng	2.HDLD không xác định thời hạn (CA)	7512032137	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		352288401
82	Hoàng Văn Cường	Tiết trùng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	4707168312	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		171636532
83	Đoàn Quang Vinh	Tiết trùng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	4706037679	13/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271881007
84	Nguyễn Quốc Vương	Tiết trùng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7513020418	14/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271400591
85	Lăng Quốc Dương	Tiết trùng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7912224082	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272200791
86	Trần Minh Hùng	Tiết trùng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7508232856	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271870847
87	Trịnh Chí Cường	Xuất hàng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7508243354	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271776785
88	Tạ Quang Vũ	Xuất hàng	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7523863971	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272584664
89	Phan Quốc Toàn	Xuất hàng	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7509028173	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271951032
90	Nguyễn Văn Trường	Xuất hàng	2.HDLD không xác định thời hạn (CA)	7512014659	12/08/2021	15/09/2021	1.000.000		183876607
91	Nguyễn Hữu Hòa	Kho	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7510081119	18/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271934813
92	Ngô Thanh Long	Kho	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	0207379984	18/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271873229
93	Nguyễn Đăng Khoa	Kho	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7510114884	14/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271745659
94	Nguyễn Văn Minh	Kho	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7512064755	10/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272589705
95	Trương Đại Huỳnh	Xương tiêu	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	0206321066	14/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271603160
96	Hoàng Văn Chính	Xương tiêu	2.HDLD có thời hạn 1 năm (CA)	7510020990	07/08/2021	15/09/2021	1.000.000		183289875
97	Trần Xuân Bách	Xương tiêu	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	3621197148	01/09/2021	15/09/2021	1.000.000		036099003803
98	Nguyễn Thị Tuyền	Tạp vụ	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	4705055044	09/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272097524

99	Hà Thị Thu	Chất lượng và cải tiến	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7916307812	11/08/2021	31/08/2021	1.000.000		187325860
100	Lý Văn Tấn	Kho	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7524853999	12/08/2021	31/08/2021	1.000.000		271313570
101	Lê Văn Thương	Chất lượng và cải tiến	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7524747086	10/08/2021	31/08/2021	1.000.000		271814561
102	Nguyễn Phúc Hải	Kho	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7516076250	05/08/2021	31/08/2021	1.000.000		184091045
103	Lê Thị Kiều Diễm	Chất lượng và cải tiến	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7513059999	09/08/2021	31/08/2021	1.000.000		271875067
104	Cao Xuân Công	Nghiên	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7511132420	03/08/2021	08/09/2021	1.000.000		186780464
105	Nguyễn Văn Bảng	Tái chế	2.HDLD không xác định thời hạn (HC)	7512032031	11/08/2021	08/09/2021	1.000.000		272974600
106	Lê Công Bắc	Làm sạch	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	4023600485	16/08/2021	31/08/2021	1.000.000		187071699
107	Bùi Công Mạnh Cường	Tiệt trùng	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7910440535	04/08/2021	31/08/2021	1.000.000		186995972
108	Đỗ Thành Tài	Nghiên	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7510001079	03/08/2021	31/08/2021	1.000.000		271512083
109	Đoàn Phạm Phương Bình	Kho	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7508194398	03/08/2021	31/08/2021	1.000.000		271549382
110	Lưu Hoàng Anh Vũ	Làm sạch	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7524755994	03/08/2021	31/08/2021	1.000.000		272460209
111	Lê Quốc Trung	Tiệt trùng	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	8722165364	03/08/2021	31/08/2021	1.000.000		341961890
112	Đỗ Trần Nhật Khải	Tiệt trùng	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	5621561330	03/08/2021	31/08/2021	1.000.000		225934215
113	Trần Xuân Long	Nghiên	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7526558467	03/08/2021	31/08/2021	1.000.000		272775862
114	Lê Quốc Lường	Nghiên	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	9321178466	03/08/2021	31/08/2021	1.000.000		363610011
115	Lâm Huỳnh Duy	Bảo Trì	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7526668010	04/08/2021	31/08/2021	1.000.000		272622427
116	Trương Văn Khởi	Tiệt trùng	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	9123900500	04/08/2021	31/08/2021	1.000.000		371903068
117	Lưu Chí Cường	Nghiên	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	6721116539	04/08/2021	31/08/2021	1.000.000		245274252
118	Nguyễn Quốc Huy Thức	Bảo Trì	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	4706079655	04/08/2021	31/08/2021	1.000.000		271400750
119	Võ Văn Thừa	Làm sạch	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	9520979016	05/08/2021	31/08/2021	1.000.000		385457724

120	Phạm Ngọc Thắng	Nghiên	2.HDL/D Xác định thời hạn (CA)	6622571800	05/08/2021	31/08/2021	1.000.000		241514217
121	Võ Trọng Hiếu	Nghiên	2.HDL/D Xác định thời hạn (CA)	7524477278	05/08/2021	31/08/2021	1.000.000		272744639
122	Lê Thái Hiệp	Làm sạch	2.HDL/D Xác định thời hạn (CA)	7526089622	05/08/2021	31/08/2021	1.000.000		272718051
123	Nguyễn Trường Chinh	Nghiên	2.HDL/D Xác định thời hạn (CA)	7908082046	05/08/2021	31/08/2021	1.000.000		261675616
124	Đỗ Văn Trọng	Nghiên	2.HDL/D Xác định thời hạn (CA)	7511099792	05/08/2021	31/08/2021	1.000.000		271892945
125	Nguyễn Viết Triển	Bảo Trì	2.HDL/D Xác định thời hạn (CA)	7513034281	06/08/2021	31/08/2021	1.000.000		183712988
126	Đoàn Chí Hiệu	Nghiên	2.HDL/D Xác định thời hạn (CA)	7722689665	06/08/2021	08/09/2021	1.000.000		077090001549
127	Nguyễn Quang Lộc	Nghiên	2.HDL/D Xác định thời hạn (CA)	0203286745	06/08/2021	31/08/2021	1.000.000		272421760
128	K' Hậu	Tài chế	2.HDL/D Xác định thời hạn (CA)	6822346881	06/08/2021	31/08/2021	1.000.000		251025894
129	Nguyễn Xuân Hưng	Nghiên	2.HDL/D Xác định thời hạn (CA)	7510036750	06/08/2021	31/08/2021	1.000.000		371776918
130	Quàng Thị Phước Tin	Chất lượng và cải tiến	2.HDL/D Xác định thời hạn (CA)	5820401440	06/08/2021	31/08/2021	1.000.000		264430112
131	Trương Long Ân	Nghiên	2.HDL/D Xác định thời hạn (CA)	3823599410	06/08/2021	31/08/2021	1.000.000		174967217
132	Phan Duy Hòa	Nghiên	2.HDL/D không xác định thời hạn (CA)	7512036242	07/08/2021	31/08/2021	1.000.000		272229754
133	Nguyễn Thị Trâm	Chất lượng và cải tiến	2.HDL/D không xác định thời hạn (CA)	5820205850	07/08/2021	31/08/2021	1.000.000		264480914
134	Nguyễn Thị Diễm Châu	Chất lượng và cải tiến	2.HDL/D Xác định thời hạn (CA)	7526646303	09/08/2021	31/08/2021	1.000.000		272550076
135	Nguyễn Thanh Hùng	Kho	2.HDL/D Xác định thời hạn (CA)	7513192539	09/08/2021	31/08/2021	1.000.000		280526145
136	Kiều Minh Tiến	Kho WIP	2.HDL/D Xác định thời hạn (CA)	7512179164	10/08/2021	31/08/2021	1.000.000		272445084
137	Mã Văn Nam	Kho WIP	2.HDL/D Xác định thời hạn (CA)	7508023696	10/08/2021	31/08/2021	1.000.000		272834883
138	Nguyễn Đại Tân	Nghiên	2.HDL/D Xác định thời hạn (CA)	9521066361	11/08/2021	31/08/2021	1.000.000		385713704
139	Ngô Văn Bằng	Kho WIP	2.HDL/D Xác định thời hạn (CA)	7516210022	12/08/2021	08/09/2021	1.000.000		272594654
140	Phan Vinh Quỳnh	Nghiên	2.HDL/D Xác định thời hạn (CA)	7524786603	13/08/2021	31/08/2021	1.000.000		271823309

141	Võ Quốc Bảo	Làm sạch	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7524499599	14/08/2021	31/08/2021	1.000.000		272068217
142	Hồ Tiến Dũng	Nghiên	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	4221092351	18/08/2021	31/08/2021	1.000.000		184305733
143	Võ Khắc Nhường	Kho WIP	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7511056214	19/08/2021	08/09/2021	1.000.000		271860712
144	Nguyễn Hữu Lợi	Nghiên	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7509143970	20/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272801892
145	Cao Văn Duy	Nghiên	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	4421118132	21/08/2021	15/09/2021	1.000.000		194467014
146	Trần Quang Huy	Kho	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7914276624	01/09/2021	15/09/2021	1.000.000		271854718
147	Lê Công Hậu	Chất lượng và cải tiến	2.HDLD Xác định thời hạn (CA)	7524908574	01/09/2021	15/09/2021	1.000.000		272331327

II. Danh sách người lao động ngừng việc và đang mang thai

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Số tiền hỗ trợ	Ký và ghi rõ họ tên	Số CMT/thẻ căn cước công dân
1	Nguyễn Thị Thùy Trang	68	1.000.000		365675997

III. Danh sách người lao động ngừng việc và đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Ký và ghi rõ họ tên	Số CMT/thẻ căn cước công dân
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng			
1	2	3	4	5	7		8	9	10
1	Bùi Văn Bản	Cha mẹ đã hưởng, bổ sung con	Bùi Thị Hải Yến	31/08/2015	Tạ Thị Huệ	073224360	1.000.000		113275172
			Bùi Tạ Tường Vy	31/05/2021			1.000.000		113275172
			Bùi Kim Oanh	04/08/2017			1.000.000		113275172
2	Nguyễn Đình Thông	Cha mẹ đã hưởng, bổ sung con	Nguyễn Ngọc Thảo Anh	07/07/2016	Hồ Thị Thảo	187178556	1.000.000		186402516
3	Nguyễn Khắc Nguyên	Cha mẹ đã hưởng, bổ sung con	Nguyễn Khắc Việt Hoàng	26/04/2018	Bùi Thị Ly	276098842	1.000.000		186264134
4	Trần Thế Cường	Cha mẹ đã hưởng, bổ sung con	Trần Phạm Kim Cường	22/04/2020	Phan Thị Hải	272231513	1.000.000		272070363



5	Lê Văn Phong	41	Lê Văn Huy	24/03/2017	Mai Thị Thủy	173273968	1.000.000		173568833
6	Phạm Duy Tâm	42	Phạm Lê An Nhiên	11/11/2020	Lê Thanh Thương	225607804	1.000.000		225606208
7	Ngô Văn Sang	43	Ngô Phương Vi	22/10/2019	Phạm Thị Mỹ Hạnh	351956135	1.000.000		351830076
8	Phan Đình Thức	44	Phan Đình Minh Khang	23/11/2019	Nguyễn Thị Thúy Vân	272227115	1.000.000		272170295
9	Hoàng Quốc Việt	45	Hoàng Đức Nhật	18/10/2017	Bùi Thị Kiêm	187003245	1.000.000		183655934
10	Phan Quốc Toàn	89	Phan Thị Bích Trâm	15/08/2016	Phạm Thị Tuyết Trinh	272399052	1.000.000		271951032
11	Hoàng Lê Huy	47	Hoàng Hải Yến	10/01/2018	Phan Thanh Huyền	276070858	1.000.000		240884024
				15/04/2021	Phan Thanh Huyền		1.000.000		
12	Huỳnh Sà Nan	52	Huỳnh Gia Huy	23/09/2016	Nguyễn Thị Như Mai	352368374	1.000.000		366093376
			Mới Sanh	17/08/2021			1.000.000		
13	Danh Ran	53	Thị Bảo Anh	19/02/2021	Thị Bích Đào	371944114	1.000.000		371604767
14	Đình Hữu Anh	55	Đình Thị Quỳnh Chi	07/07/2019	Nguyễn Thị Hoài	187309954	1.000.000		186825390
			Đình Thị Quỳnh Mai	02/10/2016			1.000.000		
15	Mã Công	56	Trần Mã Thiên Quân	06/01/2018	Trần Thị Mộng Huyền	271695606	1.000.000		276036239

16	Đặng Mạnh Cường	60	Đặng Duy Hưng	21/10/2018	Trần Thị Bích Trâm	024764567	1.000.000	272050539
			Đặng Quang Khải	25/02/2021			1.000.000	
17	Nguyễn Thị Huyền Anh	66	Nguyễn Hoàng Gia Khiêm	28/07/2018	Nguyễn Hoàng Vũ	271965144	1.000.000	261156214
18	Nguyễn Thị Thùy Trang	68	Nguyễn Trang Minh Tâm	02/03/2016	Nguyễn Minh Trung	225255700	1.000.000	365675997
19	Lê Vy	69	Lê Trọng Nguyên	21/06/2017	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	271371004	1.000.000	272123380
			Mới Sinh (Chưa Khai Sinh)	13/08/2021			1.000.000	
20	Trần Văn Đô	79	Trần Nhã Bích Thùy	23/05/2017	Nguyễn Thị Minh	34177005927	1.000.000	370876363
21	Đoàn Quang Vinh	83	Đoàn Phạm Quỳnh Chi	06/11/2016	Phạm Thị Tiến	173372620	1.000.000	271881007
			Đoàn Phạm Tuyết Nhung	15/01/2020			1.000.000	
22	Nguyễn Quốc Vương	84	Nguyễn Đoàn Khởi Nguyên	29/01/2016	Đoàn Trinh Thủy Thiên Hương	271400591	1.000.000	271400591
23	Đặng Đình Thắng	75	Đặng Phương Chi	05/11/2015	Nguyễn Thị Kim Oanh	186913220	1.000.000	272446659
24	Trần Minh Hùng	86	Trần Gia Hiếu	15/11/2017	Phạm Thị Thu Hiền	272439927	1.000.000	271870847
25	Nguyễn Văn Lương	73	Nguyễn Tố Nhi	13/08/2015	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	187856038	1.000.000	186727622
26	Huỳnh Hữu Tài	74	Huỳnh Nguyễn Khánh Vĩ	08/05/2017	Nguyễn Thị Giang	183607760	1.000.000	273324071
27	Lăng Quốc Dương	85	Lăng Thiên Di	21/01/2019	Bùi Thị Kim Duyên	272260528	1.000.000	272200791
28	Võ Trọng Cảnh	81	Võ Thị Mỹ Huyền	21/01/2019	Nguyễn Thị Thu Loan	351761705	1.000.000	352288401
29	Nguyễn Hữu Hòa	91	Nguyễn Ngọc Diễm Mi	28/08/2016	Ngô Thị Huệ	272038870	1.000.000	271934813
	Nguyễn Hữu Hòa			30/12/2019			1.000.000	



30	Nguyễn Văn Minh	94	Nguyễn Minh Đăng	31/10/2018	Đinh Thị Thu Thủy	272989243	1.000.000		272589705
			Nguyễn Minh Ngọc	02/06/2016			1.000.000		
31	Ngô Thanh Long	92	Ngô Kiều Tiên	30/03/2017	Trần Thị Hà	186620485	1.000.000		271873229
			Ngô Hạo Thiên	27/09/2018			1.000.000		
32	Nguyễn Đăng Khoa	93	Nguyễn Triệu Minh	25/12/2015	Nguyễn Thị Kiều Trang	271745144	1.000.000		271745659
			Nguyễn Kỳ Duyên	08/04/2017			1.000.000		
33	Nguyễn Thành Công	3	Nguyễn Ngọc Nhã Phương	15/01/2016	Nguyễn Thị Màu	272937975	1.000.000		271778824
			Nguyễn Ngọc Anh Thu	03/08/2019			1.000.000		
34	Nguyễn Văn Thế	5	Nguyễn Chan Phong	31/03/2019	Nguyễn Thị Chính	272937975	1.000.000		272927815
35	Nguyễn Văn Toàn	14	Nguyễn Minh Trí	01/06/2018	Đinh Thị Duyên	276085512	1.000.000		142126845
			Bùi Nguyễn Gia Huy	08/08/2019	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	321448774	1.000.000		276086544
36	Bùi Văn Hân	24	Mới Sinh	06/08/2021	Nguyễn Hồng Nhung	272146321	1.000.000		034092009350
			Mới Sinh	06/08/2021			1.000.000		
37	Nguyễn Duy Diễm	26	Mới Sinh	06/08/2021	Nguyễn Hồng Nhung	272146321	1.000.000		034092009350
38	Lê Thanh Hoài	28	Lê Võ Đông Quân	14/11/2019	Võ Thị Tuyết Mai	352409685	1.000.000		352201213
39	Trương Đại Huỳnh	95	Trương Đại Nhân	28/09/2016	Nguyễn Thị Thu Hương	276029744	1.000.000		271603160
40	Hà Thị Thu	99	Bùi Hà Anh Thu	23/08/2019	Bùi Mạnh Trường	276106563	1.000.000		187325860
41	Lý Văn Tấn	100	Lý Kiều Ngọc Lan	16/12/2018	Đinh Thị Phương	026182012835	1.000.000		271313570
			Lê Huy Hoàng	21/05/2018			1.000.000		
42	Lê Văn Thương	101	Lê Thị Ngọc Thảo	11/02/2020	Lê Thị Thùy Hương	091187002999	1.000.000		271814561

43	Nguyễn Phúc Hải	102	Nguyễn Phúc An	07/03/2021	Nguyễn Thị Thiên Nga	272462984	1.000.000		184091045
44	Lê Thị Kiều Diễm	103	Đại Quốc Bảo	06/01/2019	Đại Chí Hiếu	271849531	1.000.000		271875067
45	Cao Xuân Công	104	Cao Hoàng Anh Kiệt	09/08/2021	Hoàng Thị Thảo	186484954	1.000.000		186780464
46	Nguyễn Văn Bảng	105	Nguyễn Đăng Khoa	06/03/2021	Lê Thị Hoa	272927494	1.000.000		272974600
47	Lê Công Bắc	106	Lê Nguyễn Gia Bảo	06/08/2017	Nguyễn Thị Huệ	187141508	1.000.000		187071699
48	Bùi Công Mạnh Cường	107	Bùi Công Phú	01/08/2017	Nguyễn Thị Phương	040194004463	1.000.000		186995972
Tổng cộng (I + II + III)							211.000.000		

Tổng số tiền hỗ trợ là: 211.000.000 đồng
(Hai trăm mười một triệu đồng)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature in blue ink)

Nguyễn Sơn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19
CỦA CÔNG TY TNHH CAM PLAS MOULD VIỆT NAM**

(Kèm theo Quyết định số 3394 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (đvt: đồng)	Ký và ghi rõ họ tên	Số CMND/thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm			
I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc									
1	Lê Hồng Phương	Phòng kiểm tra đo đạc	Không xác định thời hạn	7508252138	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271378437
2	Trịnh Đình Ngoan	Phòng kiểm tra đo đạc	Không xác định thời hạn	7508252140	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		038084005573
3	Lê Nguyễn Thành Đông	Phòng kiểm tra đo đạc	Không xác định thời hạn	7508198707	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271545657
4	Nguyễn Thành Phương	Phòng kiểm tra đo đạc	Không xác định thời hạn	4705004497	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271446693
5	Nguyễn Thị Huyền Trang	Phòng kiểm tra đo đạc	Không xác định thời hạn	7510088269	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		276088499
6	Hoàng Đình Phuongg	Phòng kiểm tra đo đạc	Không xác định thời hạn	0207439885	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		079082011686
7	Nguyễn Thị Thúy Kiều	Phòng kiểm tra đo đạc	Không xác định thời hạn	7508109147	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271733791
8	Nguyễn Thị Thùy Trang	Phòng kiểm tra đo đạc	Không xác định thời hạn	7508165668	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271951443
9	Phạm Thị Nguyệt	Phòng kiểm tra đo đạc	Không xác định thời hạn	7512032568	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		037189001854
10	Trần Hữu Đức	Phòng kiểm tra đo đạc	Không xác định thời hạn	4707169979	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271789231
11	Trần Đức Hùng	Phòng kiểm tra đo đạc	Không xác định thời hạn	7511020620	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		186278938
12	Tôn Văn Thắng	Phòng kiểm tra đo đạc	Không xác định thời hạn	7511068368	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		351834143
13	Nguyễn Quang Duy	Phòng kiểm tra đo đạc	Không xác định thời hạn	7508207120	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271961598
14	Tạ Thanh Tùng	Phòng kiểm tra đo đạc	Không xác định thời hạn	7512070865	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272075687

15	Ngô Nguyễn Ngọc Lan	Phòng kiểm tra đo đạc	Không xác định thời hạn	7516067003	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272580518
16	Ngô Thị Huệ	Phòng kiểm tra đo đạc	Không xác định thời hạn	7210003405	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		285114846
17	Chu Thị Hiền	Phòng kiểm tra đo đạc	Không xác định thời hạn	7515072351	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		285598526
18	Trần Thị Kim Oanh	Phòng kiểm tra đo đạc	Không xác định thời hạn	4217317045	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		184373877
19	Chu Thị Mai	Phòng kiểm tra đo đạc	Hợp đồng 1 năm	7515051283	01/09/2021	20/09/2021	1.000.000		187350373
20	Hoàng Vương Hiền	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	7508252128	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		301543529
21	Tổng Quốc Điệp	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	7508252129	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271521495
22	Vũ Ngọc Toàn	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	7508252143	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271517718
23	Đỗ Thanh Bình	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	7508252144	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		276051876
24	Lương Hạo Nhiên	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	0205281914	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		023056170
25	Nguyễn Chí Hiếu	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	7510052065	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271389870
26	Mai Thanh Tùng	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	7510153375	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271940132
27	Nguyễn Khai Định	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	7511016511	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271745239
28	Đặng Thái Hoàng	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	7510172957	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		034086018024
29	Mai Thanh Dũng	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	7508010686	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271796899
30	Nguyễn Thành Phát	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	7512021584	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272122671
31	Nguyễn Đức Thành	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	7514052124	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		225345738
32	Võ Tấn Trực	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	7514052125	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		054087000874
33	Phạm Quang Thế	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	7516044707	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271960867
34	Đào Huy Thường	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	7526908667	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272456829



35	Hồ Thị Yến	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	7516039591	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		187191835
36	Lâm Bảo Ngọc	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	7513053338	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272417652
37	Chu Thị Hiền	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	7912117214	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272314961
38	Nguyễn Vũ Anh Thư	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	7516059017	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272782626
39	Hồ Thị Kim Chi	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	4620677003	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		191814793
40	Hồ Thân Phương	Phòng thiết kế	Không xác định thời hạn	7514052123	01/09/2021	20/09/2021	1.000.000		186961948
41	Nguyễn Hùng Sơn	Phòng thiết kế	Hợp đồng 1 năm	7511098861	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271785594
42	Lê Thị Uyên	Phòng thiết kế	Hợp đồng 1 năm	3621194771	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		036199003799
43	Lê Tuấn Anh	Phòng thiết kế	Hợp đồng 1 năm	7510037411	01/09/2021	20/09/2021	1.000.000		301222268
44	Vũ Thị Thanh Thoa	Phòng xuất nhập khẩu	Không xác định thời hạn	7512002021	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271959217
45	Vũ Văn Bé	Văn phòng - Cây xanh	Không xác định thời hạn	4703003660	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		270727432
46	Châu Quang Bình	Xưởng ép nhựa	Không xác định thời hạn	7513163163	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271981858
47	Y Ngoan	Xưởng ép nhựa	Không xác định thời hạn	7513078500	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		233167278
48	Nguyễn Thị Kim Anh	Xưởng ép nhựa	Không xác định thời hạn	7512054484	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272194607
49	Trần Thị Mai	Xưởng ép nhựa	Không xác định thời hạn	4707171578	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		250671560
50	Phạm Trần Tổ Uyên	Xưởng ép nhựa	Hợp đồng 1 năm	7523074533	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272835524
51	Vũ Minh Trí	Xưởng ép nhựa	Hợp đồng 1 năm	7516087229	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272201571
52	Lê Ngọc Vũ	Xưởng ép nhựa	Hợp đồng 1 năm	7514015725	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		184210054
53	Hà Thị Ánh Linh	Xưởng ép nhựa	Hợp đồng 1 năm	7523571272	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272834895
54	Phạm Huy Hoàng	Xưởng ép nhựa	Hợp đồng 1 năm	7523756398	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271979919
55	Nguyễn Hương Dung	Xưởng ép nhựa	Hợp đồng 1 năm	7509136759	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		121830032
56	Lê Trần Bảo Quang	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	4703020899	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271416761
57	Trần Thanh Tuấn	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	4707006956	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272646013

58	Lê Thế Hoàng	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	0207406301	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		212043295
59	Nguyễn Đức Thuận	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	0204222182	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271552797
60	Chu Đình Căn	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7509009187	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271444054
61	Ngô Hữu Phước	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7509103517	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		285663189
62	Lê Tường Thoại	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7509131046	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271416598
63	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	4706072312	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		183587793
64	Vũ Xuân Vỹ	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	4707096665	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271744134
65	Đình Trường Thịnh	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	4705036905	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271683555
66	Lê Mạnh Hồ	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7510036112	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271460117
67	Ngô Thọ Tuấn	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7510052064	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		038083002160
68	Nguyễn Thị Thiện	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	4706095299	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271777489
69	Lê Văn Tiến	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7510088265	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272871396
70	Vũ Mạnh Tú	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7508210927	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271898324
71	Tổng Mạnh Hùng	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7508095450	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271817925
72	Trịnh Xuân Hòa	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7909095734	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271849571
73	Lê Thị Lan	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7509077926	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272487988
74	Đặng Quang Hợp	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7508171713	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272026333
75	Uông Xuân Bính	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7510200560	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		183478862
76	Hà Minh Thuyền	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7511001202	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		173321759
77	Tô Trường Vỹ	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7511001203	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271773287



78	Phạm Công Tỉnh	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7508211706	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272729985
79	Hoàng Thị Kim Anh	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7511017434	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271965763
80	Đỗ Duy Tân	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7511017433	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		075091001816
81	Nguyễn Thăng Long	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	4704060375	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271441386
82	Hồ Xuân Bình	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7508022058	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		276109513
83	Nông Văn Ngàn	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	4707172950	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272866777
84	Đoàn Quang Tùng	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7511075920	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272169293
85	Nguyễn Vũ Long Sơn	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	4707138917	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271919931
86	Nguyễn Thị Hạnh	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7511098863	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		194472533
87	Nguyễn Hoàng Oanh	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7510080357	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		276079171
88	Trần Quang Thái	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	4705079684	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		260998058
89	Nguyễn Minh Tâm	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	4705038788	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271325779
90	Lê Việt Cự	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7510004954	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272576734
91	Nguyễn Quang Phúc	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7910382397	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272638369
92	Trần Văn Quý	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7910093956	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272689951
93	Hồ Trọng Thi	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7512002020	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272767834
94	Nguyễn Đức Hải	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7512042145	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272345184
95	Phan Gia Hòa	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7509052112	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272806567
96	Hoàng Văn Cường	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7512042149	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		186974519
97	Nguyễn Công Hiếu	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7509035788	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272957772

98	Đỗ Thị Thúy Hằng	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7512078490	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272234273
99	Bảo Hoài Ân	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7510064147	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272033642
100	Lưu Ngân Sinh	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7513032160	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272186347
101	Nguyễn Hữu Ninh	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7513032162	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272436709
102	Bùi Đức Hân	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7408279037	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271819830
103	Đinh Hữu Truyền	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7514030660	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		261239258
104	Hồ Ngọc Hải	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7512153519	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272101218
105	Lưu Gia Phong	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7514045458	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272487129
106	Lâm Phúc Vinh	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7511121919	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271830600
107	Ngô Văn Tuấn	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7912327261	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		183820331
108	Phạm Trọng Hiếu	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7515066271	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272271629
109	Trần Tuấn Huy	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7515066272	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		301385209
110	Nguyễn Minh Phi	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7515066275	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272264648
111	Võ Hồng Lĩnh	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7509082845	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		212733058
112	Nguyễn Quang Toàn	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7516000534	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		281044332
113	Trần Đại Pháp	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7511115591	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		273288001
114	Trương Công Sơn	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	9106192755	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272749118
115	Đặng Trung Kiên	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7508192337	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271966377
116	Lê Văn Bình	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7516088720	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272278258
117	Nguyễn Quang Hà	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7516102121	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272566246

118	Võ Văn Hoan	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	4026045681	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		186985148
119	Đoàn Thanh Mạch	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7912327802	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		261073645
120	Lê Thị Hải	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7513074754	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272317463
121	Trần Thị Hoài	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7513203713	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272669031
122	Nguyễn Thành Hưng	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7513162183	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		272789596
123	Lê Thủy Bảo Minh	Xưởng sản xuất khuôn	Hợp đồng 1 năm	7514068973	01/09/2021	20/09/2021	1.000.000		291068351
124	Lê Khắc Tiến	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7512078487	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		173635209
125	Nguyễn Quang Thuận	Xưởng sản xuất khuôn	Không xác định thời hạn	7509079139	22/07/2021	20/09/2021	1.000.000		271943885

II. Danh sách người lao động ngừng việc và đang mang thai

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Số tiền hỗ trợ			Ký và ghi rõ họ tên	Số CMT/thẻ căn cước công dân
1	Nguyễn Thị Thúy Kiều	7	1.000.000				271733791
2	Ngô Nguyễn Ngọc Lan	15	1.000.000				272580518
3	Hồ Thị Yến	35	1.000.000				187191835
4	Chu Thị Hiền	37	1.000.000				272314961
5	Nguyễn Thị Thiện	68	1.000.000				271777489
6	Lê Thị Hải	120	1.000.000				272317463

III. Danh sách người lao động ngừng việc và đang nuôi con để hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Ký và ghi rõ họ tên	Số CMT/thẻ căn cước công dân
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng			
1	2	3	4	5	7		8	9	10
1	Lê Hồng Phương	1	Huỳnh Bảo Nam	19/10/2015	Huỳnh Văn Chưa	271427673	1.000.000		271378437
2	Lê Nguyễn Thành Đồng	3	Lê Nguyễn Phúc Hưng	19/08/2021	Nguyễn Thị Thúy Kiều	271733791	1.000.000		271545657

3	Nguyễn Thành Phương	4	Nguyễn Lê Nhật Minh	04/09/2019	Lê Thị Thanh Thương	271606911	1.000.000	271446693
4	Nguyễn Thị Huyền Trang	5	Nguyễn Nhật Vượng	24/02/2018	Nguyễn Văn Thụy	276088508	1.000.000	276088499
5	Phạm Thị Nguyệt	9	Trần Ngọc Diệp	04/03/2017	Trần Đăng Trường	164506064	1.000.000	37189001854
6	Trần Hữu Đức	10	Trần Minh Triết	08/01/2018	Nguyễn Trần Thanh Tuyền	271990564	1.000.000	271789231
7	Tạ Thanh Tùng	14	Tạ Diệp Khả Hân	21/05/2019	Nguyễn Thị Nguyệt	273433493	1.000.000	272075687
8	Tổng Quốc Diệp	21	Tạ Diệp Khả Mỹ	08/09/2018	Phan Thị Linh	194427444	1.000.000	271521495
9	Đỗ Thanh Bình	23	Tổng Phan Quốc Bình	11/06/2021	Nguyễn Thị Thanh Thủy	261001801	1.000.000	276051876
10	Nguyễn Khai Định	27	Đỗ Đình Khải	07/07/2018	Trần Thị Bình Minh	271913941	1.000.000	271745239
11	Đặng Thái Hoàng	28	Đỗ Đình Khởi	07/07/2018	Phạm Thị Thu Hiền	272031565	1.000.000	34086018024
12	Nguyễn Thành Phát	30	Nguyễn Trần An Chi	18/03/2020	Đỗ Thị Kiều Khanh	272050990	1.000.000	272122671
13	Nguyễn Đức Thành	31	Nguyễn Minh Thư	18/03/2020	Phùng Thị Diễm	230922868	1.000.000	225345738
14	Phạm Quang Thế	33	Đặng Minh Khang	18/03/2016	Phạm Thị Mộng Tuyền	272087857	1.000.000	271960867
15	Hồ Thân Phương	40	Đặng Minh Khang	28/04/2019	Hồ Thị Yến	187191835	1.000.000	186961948
16	Nguyễn Hùng Sơn	41	Nguyễn Hoàng Minh Khang	15/02/2020	Phạm Thị Kim Lộc	272644822	1.000.000	271785594
17	Vũ Thị Thanh Thoa	44	Đào Nhật Dũng	04/05/2017	Đào Mạnh Hùng	272119960	1.000.000	271959217
18	Trần Thị Mai	49	Đào Nhật Nam	10/01/2020	Trần Văn Quý	251307304	1.000.000	250671560
19	Nguyễn Hương Dung	55	Trần Mai Ngọc Linh	03/03/2018	Nguy Văn Tư	121907418	1.000.000	121830032
20	Nguyễn Đức Thuận	59	Nguyễn Minh Khang	12/11/2017	Đinh Thị Thanh Lan	271578909	1.000.000	271552797
21	Lê Tường Thoại	62	Nguyễn Đức Thiện	26/01/2018	Nguyễn Thị Lê Hiền	271517011	1.000.000	271416598
22	Nguyễn Thị Thanh Trúc	63	Lê Nguyễn Minh Đăng	24/12/2020	Nguyễn Hồng Quân	183624234	1.000.000	183587793
23	Đinh Trường Thịnh	65	Nguyễn Hồng Trúc Vy	15/06/2017	Trần Thị Mai Loan	272201042	1.000.000	271683555
			Đinh Hoàng Thiên Ân	26/10/2019				
			Đinh Hoàng Ngọc Hân	18/09/2015				



24	Nguyễn Thị Thiện	68	Hồ Minh Khoa	22/09/2015	Hồ Sĩ Kiên	271743223	1.000.000		271777489
25	Lê Văn Tiến	69	Lê Lâm Phương Uyên	01/03/2016	Lâm Thị Hà Phương	272681360	1.000.000		272871396
26	Trịnh Xuân Hòa	72	Trịnh Ngọc Trúc Anh	26/06/2020	Lâm Bích Trâm	272039252	1.000.000		271849571
27	Lê Thị Lan	73	Nguyễn Lê Bảo Nhi	06/09/2017	Nguyễn Bùi Nguyên	271711629	1.000.000		272487988
			Nguyễn Minh Quân	20/11/2020			1.000.000		
28	Đặng Quang Hợp	74	Đặng Quang Hậu	17/04/2016	Trần Thị Hoa	276117805	1.000.000		272026333
			Đặng Quang Minh	13/05/2021			1.000.000		
29	Uông Xuân Bình	75	Uông Hồng Ngọc	07/09/2015	Trần Thị Thắm	183466633	1.000.000		183478862
30	Tô Trường Vỹ	77	Tô Bảo Ngọc	17/06/2020	Lê Thị Quỳnh Chi	272204616	1.000.000		271773287
			Tô Quỳnh Ái Nhi	17/12/2015			1.000.000		
31	Phạm Công Tính	78	Phạm Thị Ngọc Mai	13/12/2016	Bùi Thị Định	272795700	1.000.000		272729985
32	Đỗ Duy Tân	80	Đỗ Mỹ Anh	12/05/2020	Trương Thị Mỹ Linh	272237439	1.000.000		75091001816
33	Nông Văn Ngân	83	Nông Ngọc Đại	09/08/2018	Nguyễn Thị Tuyết	276068533	1.000.000		272866777
34	Đoàn Quang Tùng	84	Đoàn Nguyễn Trà My	27/07/2017	Nguyễn Thị Thanh Nga	272782874	1.000.000		272169293
35	Nguyễn Vũ Long Sơn	85	Nguyễn Vũ Thiên Anh	11/12/2017	Thị Ngọc	271851584	1.000.000		271919931
36	Hồ Trọng Thi	93	Hồ Trọng Thành Nhân	04/02/2018	Võ Thị Khuê	272781466	1.000.000		272767834
			Hồ Trọng Tuấn Kiệt	01/11/2015			1.000.000		
37	Phan Gia Hòa	95	Phan Gia Long Vũ	27/01/2018	Phạm Thị Ngọc Hằng	23801650	1.000.000		272806567
38	Hoàng Văn Cường	96	Hoàng Nguyễn Bảo Quyền	18/09/2021	Nguyễn Thị Hà	186859419	1.000.000		186974519
39	Nguyễn Công Hiếu	97	Nguyễn Hoàng Minh Châu	13/11/2015	Hoàng Thị Huệ	271753068	1.000.000		272957772
			Nguyễn Đức Bình	26/07/2021			1.000.000		
40	Nguyễn Hữu Ninh	101	Nguyễn Hữu Phát	18/06/2016	Vũ Triệu Thị Hồng Linh	272729459	1.000.000		272436709
41	Bùi Đức Hân	102	Bùi Hoàng Bảo Long	19/03/2018	Lê Thảo Nguyên	271898107	1.000.000		271819830
42	Lâm Phúc Vinh	106	Lâm Nhã Uyên	12/07/2017	Nguyễn Thị Kim Trâm	212254121	1.000.000		271830600
			Lâm Đăng Quân	08/12/2019			1.000.000		
43	Ngô Văn Tuấn	107	Ngô Lê Bình An	12/09/2019	Lê Thị Thắm	272868480	1.000.000		183820331

44	Trần Tuấn Huy	109	Trần Hoàng Phúc	12/08/2019	Bùi Thị Ngọc Ánh	272254623	1.000.000	301385209
45	Trương Công Sơn	114	Trương Lê Minh Sang	26/10/2015	Lê Thị Hằng	272884022	1.000.000	272749118
46	Nguyễn Quang Hà	117	Nguyễn Lê Minh Yển	09/10/2018	Lê Thị Minh Phơ	321361072	1.000.000	272566246
47	Đoàn Thanh Mạch	119	Đoàn Nguyễn Uyên Thư	08/07/2020	Nguyễn Ngọc Thảo Ly	24873867	1.000.000	261073645
48	Trần Thị Hoài	121	Nguyễn Ngọc Hoài Thương	25/05/2020	Nguyễn Văn Lợi	151485980	1.000.000	272669031
49	Nguyễn Thành Hưng	122	Nguyễn Gia Huy	01/04/2018	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	272815501	1.000.000	272789596
50	Lê Khắc Tiến	124	Lê Khắc Đăng Khôi	07/07/2021	Đoàn Thị Thanh Nga	241543186	1.000.000	173635209
Tổng cộng (I + II + III)							194.000.000	

Tổng số tiền hỗ trợ là: 194.000.000 đồng
(Một trăm chín mươi bốn triệu đồng)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng